

Bản án số: **108/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 24-12-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Mai Thị Nhắc
2. Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Sương – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 9
- Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 248/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Ấp C, xã V, tỉnh Tây Ninh. *(Xin vắng mặt)*

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long. *(Xin vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Thanh S do quen biết, tìm hiểu nhau rồi tiến đến hôn nhân, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 04 tháng 05 năm 2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Chị và anh S đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến khi chị nộp đơn ly hôn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh S được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh S có một con chung họ tên là Nguyễn Kim C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2021, hiện con đang sống với chị. Chị yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị và anh S không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết về chia tài sản.

Về nợ chung: Chị và anh S không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có ý kiến trình bày tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt như sau:

Về hôn nhân: Anh đồng ý ly hôn với chị Trương Thị N.

Về con chung: Anh và chị N có một con chung họ tên là Nguyễn Kim C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2021, hiện con đang sống với chị N. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng thấy rằng con còn nhỏ và đang sống với mẹ ổn định nên anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi thì nếu sau này anh thấy chị N nuôi con không tốt, không đảm bảo thì anh sẽ yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con trong một vụ án khác.

Về tài sản chung: Anh và chị N không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết chia tài sản.

Về nợ chung: Anh và chị N không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nợ chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long trình bày quan điểm như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện các thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 28, 147, 235 và Điều 235 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị N.

- Về hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

- Về con chung: Giao con chung cháu Nguyễn Kim C, sinh ngày 07/11/2021 cho chị Trương Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Thanh S không phải cấp dưỡng nuôi con do chị N không có yêu cầu.

- Về tài sản chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không xem xét giải quyết.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng chị Trương Thị N phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0005016, ngày 10/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Trương Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với bị đơn anh Nguyễn Thanh S nên xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, cụ thể là về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị N cho rằng giữa chị và anh S không còn tình cảm vợ chồng, hôn nhân không hạnh phúc nên chị có quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Anh S có nơi cư trú tại ấp P, xã A, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào quan hệ pháp luật tranh chấp và nơi cư trú của bị đơn xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Chị N và anh S có yêu cầu xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh S.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của chị N, Hội đồng xét xử nhận định: Chị N và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An vào ngày 05 tháng 4 năm 2021 và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định. Do đó, hôn nhân của chị N và anh S là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Chị N cho rằng sau kết hôn vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, không có tiếng nói chung dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2023 cho đến nay. Anh S cũng cho rằng vợ chồng không thể hàn gắn được nữa nên đồng ý ly hôn. Từ các cơ sở trên cho thấy, tình trạng hôn nhân của chị N và anh S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho chị N ly hôn với anh S là phù hợp.

[6] Xét về con chung: Chị N và anh S có một con chung họ tên là Nguyễn Kim C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2021. Chị N yêu cầu sau khi ly hôn con chung giao cho chị trực tiếp nuôi, chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy con chung hiện còn nhỏ, đang sống ổn định với chị N

nên nhằm đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, tránh xáo trộn về tâm sinh lý của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị N trực tiếp nuôi. Chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con là ý chí tự nguyện của chị nên ghi nhận.

[7] Xét về tài sản chung: Chị N và anh S thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết chia tài sản nên không giải quyết.

[8] Xét về nợ chung: Chị N và anh S thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

[9] Xét về án phí: Chị N có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Vĩnh Long là phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 147, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị N.

Về hôn nhân: Chị Trương Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Chị N và anh S có một con chung họ tên là Nguyễn Kim C, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2021, hiện con đang sống với chị N. Sau khi ly hôn, con chung giao cho chị N trực tiếp nuôi. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh S cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cấp dưỡng cho con. Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N và anh S thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết chia tài sản nên không giải quyết.

Về nợ chung: Chị N và anh S thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nợ chung nên không giải quyết.

Về án phí: Chị N có nghĩa vụ chịu là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005016 ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự (2b);
- VKSND khu vực 9 – Vĩnh Long (1b);
- VKSND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- THADS tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Cơ quan ĐKKH (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (3b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Đinh Thị Kim Ngân